

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiền
2. Ông Hà Công Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị C, sinh năm 1987, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu.

2. *Bị đơn:* Anh Lèng Văn T, sinh năm 1993, đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Kh, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 4, phân trại Số 03, Trại giam L (địa chỉ: xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị C và anh Lèng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu. Thời

gian đầu kết hôn, chị C và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2018, đầu năm 2019, thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T không tu trí làm ăn, không chăm lo gia đình. Chị C đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi tính tình và còn có hành vi mắng chửi chị C, do đó vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không hạnh phúc. Bên cạnh đó, ngày 10/11/2021 anh T bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lai Châu xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 02/2021/HS-ST, sau đó anh T tiếp tục bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 03 năm 07 tháng 21 ngày, hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam L, Bộ Công an. Đến nay, chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị C và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020. Kể từ khi chị C và anh T sống ly thân đến nay, cháu Đào Việt M và Đào Diệu A, sống cùng với chị C. Do anh T nghiện chất ma túy, đang phải chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng con. Chị C có thu nhập ổn định từ việc làm ruộng và làm thuê, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó cháu Cường đã trên 07 tuổi, cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (văn bản ghi ý kiến của con ngày 12/10/2023). Do đó, chị C đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị C xác nhận năm 2020 vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lai Châu, chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 50.000.000 đồng nhưng chị C đã trả toàn bộ khoản vay này vào ngày 05/02/2021 (Theo phiếu giao dịch ngày 05/02/2021 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B), hiện vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên làm việc ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ, anh Lèng Văn T có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị C kết hôn tự nguyện vào năm 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nơi ở. Hiện anh T đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam L, chị C xin ly hôn, anh T cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị C.

Về nuôi con chung: Anh T và chị C có 02 con chung chưa thành niên là Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020, hiện cả 02 con chung đang ở với chị C, anh T cũng nhất trí để chị C nuôi con, do anh T đang chấp hành hình phạt tù nên không đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung,

do chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T đề nghị không cấp dưỡng trong thời gian anh T chấp hành hình phạt tù.

Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung, tài sản riêng anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh T xác nhận vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lai Châu, chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 50.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện N như sau: Chị C và anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu vào ngày 09/3/2016 và đã có 02 con chung chưa thành niên. Đến cuối năm 2019 và đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân, chị Thuận sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu còn anh T sống tại bản Kh, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy, đang phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam L. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn, con chung là 02 cháu Đào Việt M và Đào Diệu A hiện đang sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Đào Thị C được ly hôn anh Lèng Văn T; giao 02 con chung là cháu Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị Đào Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Đào Thị C, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị C khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Lèng Văn T có nơi cư trú tại bản Kh, xã Kh, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, do anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam L (địa chỉ: Xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ), Tòa án nhân dân huyện N đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ lấy lời khai của anh T theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T gồm: các thông báo, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lai Châu, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị C và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh T nghiện chất ma túy, không tu trí làm ăn, không chăm lo gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến ngày 10/11/2021 anh T bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lai Châu xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó tiếp tục bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, hiện đang chấp hành án tại Trại giam L. Giữa chị C và anh T không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C xin ly hôn với anh T là có căn cứ và cũng phù hợp với ý kiến của anh T. Để đảm bảo quyền lợi cho chị C, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh T.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị C và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020, kể từ khi sống ly thân cả 02 con chung sống cùng với chị C. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, cháu Cường đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị C có nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Mặt khác, anh T hiện đang chấp hành hình phạt tù không đủ điều kiện để nuôi con và anh T cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của chị C. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung là cháu Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và cháu Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Anh T có ý kiến về việc vợ chồng anh có vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lai Châu, chi nhánh

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 50.000.000 đồng, chị C đã xác nhận trả xong (Theo phiếu giao dịch ngày 05/02/2021 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B), hiện vợ chồng không có nợ chung nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đào Thị C được ly hôn với bị đơn anh Lèng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Đào Việt M, sinh ngày 27/4/2016 và Đào Diệu A, sinh ngày 26/8/2020 cho chị Đào Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị C đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001801 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn B (nơi ĐKKH);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sao